CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỘP NHẤT CÔNG TY CỔ PHẦN FPT
QUÝ III NĂM 2015

Hà Nội, tháng 11 năm 2015
<table>
<thead>
<tr>
<th>STT</th>
<th>TẢI SẢN</th>
<th>Mã số</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>A.</td>
<td>TÀI SẢN NGẮN HẠN</td>
<td>100</td>
<td>16.827.486.019.097</td>
<td>16.964.332.738.803</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Tiền</td>
<td>111</td>
<td>1.288.273.331.126</td>
<td>2.072.206.319.516</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2.</td>
<td>Các khoản trong đang tiền</td>
<td>112</td>
<td>1.727.419.522.069</td>
<td>2.264.076.128.453</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>II.</td>
<td>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</td>
<td>120</td>
<td>1.912.645.754.176</td>
<td>1.441.486.664.176</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Đầu tư ngắn hạn</td>
<td>121</td>
<td>1.922.051.251.296</td>
<td>1.450.892.161.296</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn</td>
<td>129</td>
<td>(9.405.497.120)</td>
<td>(9.405.497.120)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>III.</td>
<td>Các khoản phải thu ngắn hạn</td>
<td>130</td>
<td>5.278.432.468.253</td>
<td>5.034.337.827.065</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Phải thu không khấu hao</td>
<td>131</td>
<td>3.772.439.415.248</td>
<td>4.005.225.417.438</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Trả trước cho người bán</td>
<td>132</td>
<td>564.239.292.740</td>
<td>402.189.196.661</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng</td>
<td>133</td>
<td>800.538.144.694</td>
<td>524.625.860.679</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>4</td>
<td>Các khoản phải thu khác</td>
<td>135</td>
<td>490.252.102.135</td>
<td>430.595.904.525</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>5</td>
<td>Dự phòng các khoản phải thu không rõ</td>
<td>139</td>
<td>(439.031.476.095)</td>
<td>(295.455.351.048)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>IV.</td>
<td>Hành tốn khao</td>
<td>140</td>
<td>4.738.188.245.711</td>
<td>4.572.636.184.140</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Hành tốn kho</td>
<td>141</td>
<td>4.794.388.751.194</td>
<td>4.652.333.244.983</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</td>
<td>149</td>
<td>(56.200.365.483)</td>
<td>(75.667.660.843)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>V.</td>
<td>TÀI SẢN NGÁN HẠN KHÁC</td>
<td>150</td>
<td>1.882.526.676.762</td>
<td>1.570.589.615.663</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Chỉ phi trả trước được vê hóa</td>
<td>151</td>
<td>708.889.715.131</td>
<td>592.435.044.749</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Thuế GTGT được khấu trừ</td>
<td>152</td>
<td>1.063.082.466.624</td>
<td>921.625.004.678</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</td>
<td>154</td>
<td>13.681.331.246</td>
<td>33.743.866.340</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>4</td>
<td>Tài sản ngắn hạn khác</td>
<td>158</td>
<td>96.873.244.761</td>
<td>31.785.859.896</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>B.</td>
<td>TÀI SẢN ĐÀI HÀN</td>
<td>200</td>
<td>6.849.675.532.914</td>
<td>5.694.011.211.930</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1.</td>
<td>Tài sản cố định</td>
<td>220</td>
<td>4.777.794.179.794</td>
<td>3.837.788.158.637</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Tài sản cố định hữu hình</td>
<td>221</td>
<td>3.937.577.119.631</td>
<td>2.998.002.341.729</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Nguyên giá</td>
<td>222</td>
<td>6.670.236.211.024</td>
<td>5.352.532.933.679</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Giá trị lao mòn lũy kế</td>
<td>223</td>
<td>(2.732.651.891.393)</td>
<td>(2.354.530.611.950)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Tài sản cố định thu tư tài chính</td>
<td>224</td>
<td>1.838.546.670</td>
<td>710.441.475</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3.</td>
<td>Nguyên giá</td>
<td>225</td>
<td>2.152.072.265</td>
<td>958.946.192</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>4</td>
<td>Giá trị lao mòn lũy kế</td>
<td>226</td>
<td>(313.880.385)</td>
<td>(218.504.717)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Tài sản cố định vô hình</td>
<td>227</td>
<td>290.549.735.654</td>
<td>301.803.720.735</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>4</td>
<td>Nguyên giá</td>
<td>228</td>
<td>565.534.238.093</td>
<td>529.387.100.029</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>5</td>
<td>Giá trị lao mòn lũy kế</td>
<td>229</td>
<td>(274.984.162.000)</td>
<td>(227.583.829.259)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>4.</td>
<td>Chỉ phi xây dựng cơ bản được đăng</td>
<td>230</td>
<td>547.824.777.850</td>
<td>537.214.674.698</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>II.</td>
<td>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</td>
<td>250</td>
<td>785.434.869.833</td>
<td>796.508.947.188</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</td>
<td>252</td>
<td>264.106.180.666</td>
<td>251.078.173.392</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Đầu tư đa quan</td>
<td>258</td>
<td>695.530.614.297</td>
<td>703.175.738.859</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</td>
<td>259</td>
<td>(174.294.925.429)</td>
<td>(157.744.965.065)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>III.</td>
<td>TÀI SẢN ĐÀI HÀN KHÁC</td>
<td>260</td>
<td>970.662.306.884</td>
<td>756.543.631.463</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Chỉ phi trả trước dài hạn</td>
<td>261</td>
<td>707.252.388.274</td>
<td>523.457.534.682</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Tài sản thu nhập không hạn</td>
<td>262</td>
<td>151.098.801.455</td>
<td>151.807.015.837</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Tài sản dài hạn khác</td>
<td>268</td>
<td>112.288.107.055</td>
<td>71.299.080.943</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>IV.</td>
<td>Lệ phí thường niên</td>
<td>269</td>
<td>315.879.176.703</td>
<td>333.170.444.644</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>TÔNG CỘNG TÀI SẢN</td>
<td>280</td>
<td>23.677.161.552.011</td>
<td>22.658.343.950.733</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>STT</td>
<td>NGUỒN VÓN</td>
<td>Mã số</td>
<td>Thuyết minh</td>
<td>30/9/2015</td>
<td>31/12/2014</td>
</tr>
<tr>
<td>-----</td>
<td>--------------------------------</td>
<td>-------</td>
<td>------------</td>
<td>-----------</td>
<td>-----------</td>
</tr>
<tr>
<td>A</td>
<td>NGÀY PHẢI TRẢ</td>
<td>300</td>
<td></td>
<td>13.790.050.939.395</td>
<td>13.400.925.192.629</td>
</tr>
<tr>
<td>I</td>
<td>Ngần hạn</td>
<td>310</td>
<td></td>
<td>13.096.055.044.834</td>
<td>13.056.523.189.739</td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Vay vào ngân hạn</td>
<td>311</td>
<td>16</td>
<td>7.123.134.137.075</td>
<td>6.722.412.217.259</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Phái trả cho người bán</td>
<td>312</td>
<td></td>
<td>2.961.533.729.812</td>
<td>3.018.857.043.191</td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Người mua trả tiền trước</td>
<td>313</td>
<td></td>
<td>616.930.920.972</td>
<td>478.420.174.874</td>
</tr>
<tr>
<td>4</td>
<td>Thué và các khoản phải nộp cho Nhà nước</td>
<td>314</td>
<td>17</td>
<td>187.141.661.113</td>
<td>250.837.705.459</td>
</tr>
<tr>
<td>5</td>
<td>Phái trả công nhân viên</td>
<td>315</td>
<td></td>
<td>326.067.376.803</td>
<td>647.441.848.103</td>
</tr>
<tr>
<td>6</td>
<td>Chi phí phái trả</td>
<td>316</td>
<td></td>
<td>540.845.247.915</td>
<td>517.895.927.838</td>
</tr>
<tr>
<td>7</td>
<td>Phái trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng</td>
<td>318</td>
<td></td>
<td>22.255.792.859</td>
<td>15.756.096.426</td>
</tr>
<tr>
<td>8</td>
<td>Các khoản phái trả, phí nộp khác</td>
<td>319</td>
<td>18</td>
<td>194.216.981.648</td>
<td>177.252.587.438</td>
</tr>
<tr>
<td>9</td>
<td>Đất phế phẩm phái trả ngân hạn</td>
<td>320</td>
<td>19</td>
<td>30.478.700.511</td>
<td>32.252.745.918</td>
</tr>
<tr>
<td>10</td>
<td>Quy khoản thặng, phế lỗ</td>
<td>321</td>
<td></td>
<td>92.498.644.231</td>
<td>296.216.723.528</td>
</tr>
<tr>
<td>11</td>
<td>Đơn thu chưa thực hiện</td>
<td>322</td>
<td></td>
<td>1.179.882.885.972</td>
<td>986.189.133.343</td>
</tr>
<tr>
<td>II</td>
<td>NGÀY ĐÀI HẠN</td>
<td>330</td>
<td></td>
<td>698.935.899.161</td>
<td>444.002.063.268</td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Phái trả đài hạn khác</td>
<td>333</td>
<td></td>
<td>179.273.805.175</td>
<td>198.449.132.073</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Vay vào nợ đài hạn</td>
<td>334</td>
<td>20</td>
<td>519.455.062.703</td>
<td>142.418.459.294</td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Thué thu nhập hoàn lại phái trả</td>
<td>335</td>
<td></td>
<td>192.096.283</td>
<td>2.929.410.611</td>
</tr>
<tr>
<td>4</td>
<td>Đất phế phẩm phái trả đài hạn</td>
<td>337</td>
<td>19</td>
<td>12.965.006</td>
<td>12.965.006</td>
</tr>
<tr>
<td>5</td>
<td>Quy khoản thặng, phế lỗ</td>
<td>338</td>
<td></td>
<td>192.096.283</td>
<td>192.096.283</td>
</tr>
<tr>
<td>B</td>
<td>NGUỒN VÓN CHỦ SỞ HỮU</td>
<td>400</td>
<td></td>
<td>9.572.170.612.015</td>
<td>9.257.818.758.094</td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</td>
<td>411</td>
<td>21</td>
<td>3.975.316.400.000</td>
<td>3.159.766.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Thặng dư vốn cổ phần</td>
<td>412</td>
<td>21</td>
<td>49.465.703.201</td>
<td>49.465.703.201</td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Cổ phiếu quỹ</td>
<td>413</td>
<td>21</td>
<td>823.760.000.000</td>
<td>823.760.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>4</td>
<td>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</td>
<td>414</td>
<td>21</td>
<td>13(244.295.041)</td>
<td>(12.569.673.745)</td>
</tr>
<tr>
<td>5</td>
<td>Quyết đầu tư phát triển</td>
<td>415</td>
<td>21</td>
<td>78.776.566.683</td>
<td>79.400.040.851</td>
</tr>
<tr>
<td>6</td>
<td>Quyết đầu tư bổ sung vốn điều lệ</td>
<td>416</td>
<td>21</td>
<td>87.228.513.544</td>
<td>87.203.063.024</td>
</tr>
<tr>
<td>7</td>
<td>Lên ná mua chia phát phiếu</td>
<td>417</td>
<td>21</td>
<td>4.260.207.462.217</td>
<td>4.268.151.638.489</td>
</tr>
<tr>
<td>8</td>
<td>Lên chia cổ đông, cổ đông kiểm soát</td>
<td>418</td>
<td>21</td>
<td>1.537.494.021.384</td>
<td>1.344.473.716.274</td>
</tr>
<tr>
<td>II</td>
<td>NGUỒN KINH PHÁP VÀ QUYẾT KHÁCH</td>
<td>430</td>
<td></td>
<td>2.750.000.000</td>
<td>2.750.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Nguồn kinh phí</td>
<td>432</td>
<td></td>
<td>2.750.000.000</td>
<td>2.750.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>TỔNG CÙNG NGUỒN VÓN</td>
<td>440</td>
<td></td>
<td>23.677.161.552.011</td>
<td>22.658.343.950.733</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Người lập: Nguyễn Tiến Hảo
Kế toán trưởng: Hoàng Hữu Chiến
Phó Tổng giám đốc: Nguyễn Thế Phương
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

<table>
<thead>
<tr>
<th>Mã số</th>
<th>Chủ tiêu</th>
<th>Thu nhập ///</th>
<th>Thu nhập ///</th>
<th>Thu nhập ///</th>
<th>Thu nhập ///</th>
<th>Thu nhập ///</th>
<th>Thu nhập ///</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>06</td>
<td>6. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</td>
<td>211.424.116.864</td>
<td>198.394.602.661</td>
<td>295.111.999.329</td>
<td>258.213.774.802</td>
<td>230.213.774.802</td>
<td>200.213.774.802</td>
</tr>
<tr>
<td>08</td>
<td>8. Lợi nhuận góc công ty trên doanh nghiệp</td>
<td>35.628.938.999</td>
<td>31.494.248.354</td>
<td>45.055.944.942</td>
<td>41.055.944.942</td>
<td>37.055.944.942</td>
<td>33.055.944.942</td>
</tr>
<tr>
<td>13</td>
<td>Chi phí khác</td>
<td>37.599.543.000</td>
<td>35.629.592.091</td>
<td>62.923.734.941</td>
<td>55.152.436.744</td>
<td>48.101.246.041</td>
<td>40.101.246.041</td>
</tr>
</tbody>
</table>

**Tổng hợp**

- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh: 5.283.246.852
- Thu nhập từ hoạt động khác: 1.050.666.666
- Tổng thu nhập: 6.334.414.518

**Giá trị**

- Thu nhập tận cùng: 2.034.286.815.432
- Thu nhập tận cùng sau thuế: 1.864.727.710.453

**Ghi chú**

(*) Các doanh số báo cáo bà doanh nghiệp bán hàng trên ảnh doanh thu bán các đơn vị trong từng cấp độ và mức đích kinh doanh (ví dụ: doanh thu FPT Telecom bán dịch vụ Internet cho các đơn vị khách hàng trên cấp độ FPT).

(**) Xin xem thêm thuyết minh trên trang 23

---

**Người lập**

Nguyễn Tiến Hào

**Kế toán trưởng**

Hoàng Hữu Thịnh

**Phó Tổng giám đốc**

Nguyễn Thị Phương

---

**Bộ phận giá trị:**

1. **Phổ biến và lanh:**

2. **Kiểm soát và tài chính:**

3. **Phân tích và tài chính:**

---

**Hồ sơ:**

1. **Phổ biến và lanh:**

2. **Kiểm soát và tài chính:**

3. **Phân tích và tài chính:**

---

**Hồ sơ:**

1. **Phổ biến và lanh:**

2. **Kiểm soát và tài chính:**

3. **Phân tích và tài chính:**
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỘP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

<table>
<thead>
<tr>
<th>STT</th>
<th>CHI TIỂU</th>
<th>Mã số</th>
<th>Lý thuyết từ đầu năm đến cuối quý</th>
<th>Năm trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1</td>
<td>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</td>
<td>01</td>
<td>1.968.856.513.819</td>
<td>1.835.949.386.283</td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Lợi nhuận trước thuế</td>
<td>02</td>
<td>459.345.229.229</td>
<td>383.934.904.341</td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Các khoản dự phòng</td>
<td>03</td>
<td>46.629.330.051</td>
<td>39.466.692.235</td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Chênh lệch tỷ giá hối đoá công chuyển đổi báo cáo tài chính</td>
<td>04</td>
<td>(5.674.621.269)</td>
<td>(16.258.817.627)</td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>(Lãi) lề từ hoạt động kinh doanh</td>
<td>05</td>
<td>(163.295.717.100)</td>
<td>(223.703.361.165)</td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Chi phí Bi yếu</td>
<td>06</td>
<td>161.312.577.624</td>
<td>131.913.118.258</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thuế đã vào fund</td>
<td>08</td>
<td>2.527.173.312.384</td>
<td>2.149.451.022.324</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>(Tổng) Giám đốc chi toàn bộ</td>
<td>09</td>
<td>(417.519.268.677)</td>
<td>(290.341.875.554)</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>(Tổng) Giám đốc chi toàn bộ</td>
<td>10</td>
<td>(144.531.419.402)</td>
<td>(517.234.442.705)</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>(Tổng) Giám đốc chi toàn bộ</td>
<td>11</td>
<td>(350.348.480.322)</td>
<td>368.375.512.713</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>(Tổng) Giám đốc chi toàn bộ</td>
<td>12</td>
<td>155.370.163.962</td>
<td>(254.811.936.688)</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Tiền lì và hoa hồng</td>
<td>13</td>
<td>(70.106.744.782)</td>
<td>(137.515.057.134)</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Thu nhập do hoạt động khác</td>
<td>14</td>
<td>(348.867.127.922)</td>
<td>(342.695.389.969)</td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</td>
<td>16</td>
<td>(86.888.655.922)</td>
<td>(26.802.618.523)</td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</td>
<td>29</td>
<td>1.164.327.799.878</td>
<td>948.224.914.475</td>
</tr>
<tr>
<td>II</td>
<td>Lưu chuyển tiền từ hoạt động khác</td>
<td>21</td>
<td>(1.943.385.768.113)</td>
<td>(529.507.227.259)</td>
</tr>
<tr>
<td>II</td>
<td>Tiền vào từ tài sản</td>
<td>22</td>
<td>1.982.383.811</td>
<td>1.231.770.148</td>
</tr>
<tr>
<td>II</td>
<td>Tiền vào từ tài sản</td>
<td>23, 24</td>
<td>(463.056.690.000)</td>
<td>738.442.371.576</td>
</tr>
<tr>
<td>II</td>
<td>Tiền vào từ tài sản</td>
<td>27</td>
<td>89.359.683.695</td>
<td>118.222.395.799</td>
</tr>
<tr>
<td>II</td>
<td>Tiền vào từ tài sản</td>
<td>28</td>
<td>89.359.683.695</td>
<td>(200.220.285.311)</td>
</tr>
<tr>
<td>III</td>
<td>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</td>
<td>30</td>
<td>(2.315.102.820.587)</td>
<td>128.470.113.944</td>
</tr>
<tr>
<td>III</td>
<td>Tiền từ tài sản</td>
<td>31</td>
<td>17.193.170.000</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>III</td>
<td>Tiền từ tài sản</td>
<td>32</td>
<td>12.230.800.000</td>
<td>14.748.930.000</td>
</tr>
<tr>
<td>III</td>
<td>Tiền từ tài sản</td>
<td>33</td>
<td>17.579.419.205.039</td>
<td>13.064.592.540.819</td>
</tr>
<tr>
<td>III</td>
<td>Tiền từ tài sản</td>
<td>35</td>
<td>(973.097.596.356)</td>
<td>(755.011.526.758)</td>
</tr>
<tr>
<td>III</td>
<td>Tiền từ tài sản</td>
<td>36</td>
<td>(169.814.553.275)</td>
<td>287.107.362.652</td>
</tr>
<tr>
<td>III</td>
<td>Tiền từ tài sản</td>
<td>37</td>
<td>(1,220,589,594,574)</td>
<td>1,355,802,331,071</td>
</tr>
<tr>
<td>III</td>
<td>Tiền từ tài sản</td>
<td>38</td>
<td>4,336,282,447,769</td>
<td>2,756,911,444,015</td>
</tr>
<tr>
<td>III</td>
<td>Tiền từ tài sản</td>
<td>39</td>
<td>3,015,602,853,195</td>
<td>4,106,733,475,085</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Người lập: Nguyễn Tiến Hạo
Kế toán trưởng: Hoàng Hữu Chiến
Phó Tổng giám đốc: Nguyễn Thế Phương
CÔNG TY CỔ PHẦN FPT
Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Định Vượng, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Chào kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các tin tức minh nghĩa là một bộ phận hợp thành và cần được đọc thái vị báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUẠT

Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần FPT ban đầu là một công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTG và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01030010441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/5/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Từ ngày 30/9/2015, Công ty Cổ phần FPT có 9 công ty con như sau:

- Công ty TNHH I hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty TNHH Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty TNHH Phần mềm FPT;
- Công ty TNHH Giới thiệu FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty TNHH Đầu tư FPT;
- Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT;
- Công ty TNHH Truyền thông Giả tạo FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 26 tháng 6 năm 2015, công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần FPT là 3.975.316.400.000 đồng.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.


Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính
Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp chủ yếu: (i) Dịch vụ phát triển phần mềm gồm các ứng dụng chuyên phân mềm và hệ thống quản lý nguồn lực ERP; (ii) Dịch vụ thiết kế; (iii) Dịch vụ tư vấn, cung cấp các dịch vụ chuyển đổi hệ thống, dịch vụ BPO, dịch vụ Data center v.v…; (iv) Dịch vụ viễn thông bao gồm các dịch vụ internet và các dịch vụ giá trị gia tăng; (v) Dịch vụ nội dung số gồm các dịch vụ quảng cáo trực tuyến, trị chí trực tuyến v.v…; (vi) Dịch vụ đào tạo ở các cấp cao đẳng, đại học và sau đại học; (vii) Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ thông tin và viễn thông.

2. CƠ SỞ LẮP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KŶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá ghi và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của liên quan tại Việt Nam.

Kỹ kế toán
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015.
3. TÔM TÁT CÁC CHÍNH SÁCH KĒ TOÀN CHŪ YĒU

Sau đây là các chính sách kế toàn chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ươc tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định anh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ tài sản và việc trích hàng các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hợp đồng. Kết quả hoạt động kinh doanh được thể hiện khác với các ước tính, giả định dựa ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 30 tháng 9 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán các công ty con được từng công ty con trình bày trong báo cáo kế toán.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác lại giống nhau.

Tái cơ các nghiệp vụ và số dư của các công ty con trong từng Tập đoàn được thể hiện hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cơ độ thiểu số trong tài sản chuẩn của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt để kiểm soát số dư của cơ độ điểm của Công ty. Lợi ích của cơ độ thiều số báo gom giá trị các lợi ích của cơ độ thiều số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cơ độ thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lợi phải sinh từ tài chính do con phải được phân bổ trong ứng với phần sở hữu của cơ độ không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ do lỗ hổn phán sở hữu của cơ độ không kiểm soát trong tài sản chuẩn của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trợ nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kế quả hoạt động kinh doanh của ký kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cơ độ thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trong từng cơ sở tỷ lệ của cơ độ thiều số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

3. TỔ TẤT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ Yếu (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty co-đảng công ty nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Anh hưởng động của lợi ích và quyền tham gia vào việc điều chỉnh các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của các bên nhân đầu tư nhưng không co-đồng các quyết định quan trọng khác như quyết định đổi chính sách tài chính.

Kết quả hoạt động liên kết, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vùng chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cột kẽ toán học ghi gợp được điều chỉnh theo nghĩa vụ hợp phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thanh toán của công ty liên kết sau ngày muốn khoản đầu tư. Các khoản nợ của công ty liên kết sẽ được quyết khoản góp vốn của Công ty tài chính công ty liên kết do (bảo đảm bao kê các khoản góp vốn đối nhân mà việc thực hiện tạo thành đế tư thanh của Công ty tài chính công ty liên kết) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi lỗ chưa thực hiện được thương lượng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết được hoán trả khi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phù hợp giữa mục giải pháp hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nhập kế vụ đầu tư. Nếu sả ngày kiểm soát công ty con, công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con, công ty mẹ phải xác định giá phù hợp khoản đầu tư thể hiện và phân bổ số hóa bằng thông tin giá trị ghi sổ tài sản thanh khoản của công ty con (không tính theo giá trị hợp lý như tại ngày mua). Khoản chính sách liên kết giải pháp phù hợp từ thời gian ghi sổ tài sản thanh khoản được giảm trước lập vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Lợi thế thương mại phát sinh từ ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát được trình bày bằng riêng như một loại tài sản có kế toán lần đầu kế toán hợp nhất và phân bộ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo quy định pháp luật. Trong hợp giá trị lợi thế thương mại bị tổ thất trong năm cỏ hơn giá trị phân bổ hinder năm theo phương pháp dừng thuế thì thực hiện phân phối theo giá trị tổ thất.

Khi thời vờ tài công ty con thì giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khai hóa hết được ghi trong tài sản tư lợi ích và lợi ích và tính vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong trường hợp công ty mẹ vẫn nắm giữ quyền kiểm soát đối với công ty con hoặc được giải toan bỏ và tính vào khoản lãi lỗ trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong trường hợp công ty mẹ mất quyền kiểm soát.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được tích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ tích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn tài các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu hóa đơn và báo cáo tài chính", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành. Trong một số trường hợp, theo quyết định của Ban Tổ chức Giải độc, Tập đoàn sẽ tổng trợ tích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn nếu so với yêu cầu của các quy định hiện hành.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SÓ B-09-DN/HN

Các điều kiện này có một bộ phận hợp thành và cần được đọc đúng để khi báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÔM TẮT CÁC CHỊNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tất nhiên tài chính

Tài nguyên ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc công chỉ phải giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phát thu khác, các khoản đưa vào ngân hàng, các khoản và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tài nguyên ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đư phỏng phải thu khó đi

Đư phỏng phải thu khó đi được trình lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sau tháng treo lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thay thế, phải sánh hay các khoản khác tương tự.

Hàng tồn kho


Đư phỏng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trình lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trình lập dự phỏng giảm giá hàng tồn kho loại thịt, kinh, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các điều kiện minh bạch, phân bổ nguồn lực và chi phí hoạt động hiệu quả của báo cáo tài chính hợp nhất 

3. TỔN TÂM CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÀN CHỦ YÊU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trang thái tài sản sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất trước thực tế sinh công chi phí lắp đặt và chuyển.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nhà cửa và vật kiến trúc</th>
<th>Máy móc và thiết bị</th>
<th>Phương tiện vận tải</th>
<th>Thiết bị văn phòng</th>
<th>Tài sản khác</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>5 - 25</td>
<td>3 - 25</td>
<td>3 - 10</td>
<td>3 - 8</td>
<td>3 - 25</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Tài sản cố định thụy tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thụy tài chính được hình thành từ giao dịch thụy tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người di thụy. Tất cả các khoản thụy khác không phải là thụy tài chính đều được xem là thụy hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thụy tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thụy tài chính thông qua kế toán và tài khoản thanh toán tiền thuế tài chính. Các khoản tiền thanh toán tiền thuế được chi trả cho người khác phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tính hợp lý của tài sản từ sự di của người thứ hai. Các khoản tiền trả nợ phải trả vào ngày của ngày đối với các khoản tiền trả nợ hợp lý.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thể hao hoặc phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

(ii) Giấy phép, quyền phát hành và bán quyền


Giá mua quyền phát hành và bán quyền mua được vốn hóa và xác định như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bán quyền được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

10
3. TỔM TÁT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (Tiếp theo)

(a) Nhân sự hiện hành
Giả mua nhân hiện hành và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản có định hình. Nhân sự hiện hành và thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đối ứng theo thời gian đầu tư vào nước và ở đất của các tài sản này.

(b) Phần mềm máy tính
Giả mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy tính này không là một bộ phần không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và xác lập trong tài sản có định hình. Phản làm máy tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đối ứng trong vòng từ ba đến năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản do đang
Các tài sản do đang trong quá trình xây dựng được làm phần của mực diện sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phải bồi thường cho các chủ sở hữu của tài sản. Việc tính lại các chi phí này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bất đ_adapter từ tài sản để ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước đại hạn
Chi phí đặt trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê và chi phí thuê vận phòng. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đối ứng theo thời hạn hợp đồng thuê.

Giả trị cổ phiếu, dùng cụ đã xuất động, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tận trưng vận phòng được phân tích theo nguyên giá và được phân bổ đầu vào chi phí theo các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng
Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc và các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đức phòng bảo hành
Đức phòng bảo hành liên quan chung cựu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, Đức phòng được lập dựa trên ước tính từ các số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Đức phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay
Đức phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần. Tiền Phong liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT, một công ty con của Tập đoàn.

Quy khen thưởng, phúc lợi
Tập đoàn trích quy khen thưởng phúc lợi tối đa bằng 10% lợi nhuận thu được của các đơn vị thành viên.
3. TỔM TÁC CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn tài sản với quyền sở hữu sẵn phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định trong đối tác chính;
(d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành tại ngày cuối cùng của kỳ toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định trong đối tác chính;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phản công việc đã hoàn thành tại ngày cuối cùng của kỳ toán đó; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của phát triển sản phẩm, dịch vụ thông và dịch vụ tín dụng

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niêm đơn. Ti lệ phần trăm hoàn thành công việc được định giá dựa trên khẩu phần các công việc đã được thực hiện, hợp lệ tỷ lệ phần trăm giữa chỉ số phản hồi của phản công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niêm đơn kể toán so với tổng chỉ số phản hồi toàn của hợp đồng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trong yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được giao công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trong yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thiết bị hoàn mà các dịch vụ thu được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thiết bị điện thoại, thiết bị internet và thiết bị cơ sở tiện vụ tại trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thiết bị thiết kế hàng sử dụng thiết bị trước thay thế. Sau đó, kết quả thiết bị trước nạo chưa sử dụng sẽ được ghi nhận lại thu nhập khi thiết bị sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng dựa ban hành. Các khoản thu được từ việc bán thiết bị trước, nhưng thiết bị đã bán chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua tại tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẢU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là cơ sở phát hành thông và căn cứ để độc giả có thể hiểu rõ bao cáo tài chính hợp nhất của doanh nghiệp.

3. TỔM TÁT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (Tiếp theo)

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ giai đoạn quảng cáo được trong hợp đồng.

Doanh thu từ hợp tác và phi

Doanh thu được ghi nhận trong năm khi dịch vụ được cung cấp. Hợp tác và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hợp toán vào báo cáo kết quả hợp đồng kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính của kỳ học liên quan.

Nợ hợp tác và phi

Toàn bộ hợp tác và phi được nợ trước khi bắt đầu mới kỳ học.

Phi tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi

Phi đăng ký dự thi là khoản phí có tính nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí này được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xin lý hoa tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường học và sắp xếp sinh viên vào phù hợp. Phi đăng ký dự thi không được hoàn lại.

Lãi tiền được ghi nhận trên cơ sở đến tháng, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Nợ giải thể

Tập đoàn áp dụng xin lý chế kế toán theo hướng dẫn của Luật kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Anh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản và công nợ phải thu, phải trả có gốc nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hợp toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá được đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được đăng ký để chỉ cho có thành.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tập đoàn thực hiện hoạt động tại nước ngoài được ghi nhận như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hợp đồng này.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tập đoàn tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu sở hữu) được chuyển đổi sang đến với tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu sở hữu) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của ký báo cáo trừ khi tỷ giá gây ra hiệu ứng lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá trị ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chịu so huy và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ ch przypad hoạt động tại nước ngoài của Tập đoàn.

Chi phí di vay

Chi phí di vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành dựa vào sự đọng hoặc kinh doanh được công vào nguồn gây tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi vào nguồn gây tài sản có liên quan.

Tài ca các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.
3. TÔM TÁT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (Tiếp theo)

Lải trên cơ phiếu

Tập đoàn trình bày cơ bản trên cơ phiếu và lãi suy giảm trên cơ phiếu (EPS) đối với toàn bộ cơ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cơ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuế về cơ động số hữu có phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cơ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cơ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuế về cơ động số hữu có phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cơ phiếu phổ thông đang lưu hành cơ bình hằng của cơ phiếu phổ thông tăng ngơ cơ tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu cơ phải chuyển đổi và quyền chọn mua cơ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty liên kế và các cá nhân quan lý chủ chốt của Tập đoàn.

Thủ tục

Thủ tục nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thủ phát trả hiện lãi và số thuế hoàn lại.

Số thủ phát trả hiện tại doanh nghiệp được trả tại thủ tục chịu thuế trong kỳ. Thủ tục chịu thuế khác với lợi nhuận thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thủ tục chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chỉ phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ muốn sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thủ tục nhập hoàn lại được tính trên các khoản chính sách giảm giá trị giá thủ phát và cơ sở tính thuế thủ tục của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bao căn đối kế toán. Thủ tục nhập hoàn lại phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chính sách giảm giá trị tài sản tiền thuế nhập hoàn lại chỉ được ghi nhận khi hệ thống chính sách đủ lợi nhuận tiền thuế thông qua lãi đế và khấu trừ các khoản chính sách giảm thuế.

Thủ tục nhập hoàn lại được xác định theo thủ tục suất đế tính thế áp dụng cho kỳ lãi suất được thu hồi hay lãi phát trả được thanh toán. Thủ tục nhập hoàn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chi tiết trong báo cáo thư cso hữu khi khoản thuế đã có tiền quan đến các khoản mục được ghi thưởng vào cso hữu.

Tài sản thuế thủ nhập hoàn lại và nợ thuế thủ nhập hoàn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thủ nhập hoàn h Fighting với thuế thủ nhập hoàn h Fighting và khi các tài sản thuế thủ nhập hoàn lại và nợ thuế thủ nhập hoàn lại phải trả liên quan tới thuế thủ nhập hoàn h Fighting được quản lý bởi các cơ quan thuế và Tập đoàn có đủ điều kiện thanh toán thuế thủ nhập hoàn h Fighting trên cơ sở thuế.

Việc xác định thuế thủ nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này tùy do theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thủ nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế cơ thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.
4. BÁO CÁO BỘ PHÂN

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận cơ thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có nhiệm vụ và lợi ích kinh tế tập thể với bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính dưới sự quản lý của Công ty Cổ phần FPT (Công ty), cụ thể như sau:

- Công nghệ thông tin và viễn thông
  - Viễn thông: bao gồm các dịch vụ internet cá nhân và hỗ trợ dịch vụ internet cho doanh nghiệp như cho thuê kính riêng (internet leased line), viễn thông trong nước, viễn thông quốc tế, tên miền, hosting, công sở lưu Web, IPTV…;
  - Nội dung số: bao gồm các dịch vụ truyền tải cho doanh nghiệp và khách hàng cá nhân như hệ thống báo điện tử (VnExpress.net, Ngôi sao.net, iOne.net, PCWorld.com.vn, Gamehau.vn v.v…); quảng cáo truyền tải hình thông mạng quảng cáo (AdNetwork), trợ giá trị truyền tải, nhận và truyền tải, thanh toán truyền tải, v.v…;
  - Phát triển phần mềm: bao gồm hoạt động sản xuất phần mềm; các dịch vụ phát triển phần mềm; dịch vụ bảo trì, giao công phần mềm; thử nghiệm đảm bảo chất lượng, cung cấp dịch vụ triển khai và quản lý Hệ thống Quản lý Nguồn lực Doanh nghiệp (ERP);
  - Tích hợp hệ thống: cung cấp thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), cung cấp giải pháp phần mềm ứng dụng, cung cấp dịch vụ và giải pháp tích hợp hệ thống thông tin cho khách hàng trong các cơ quan, doanh nghiệp và tổ chức thuộc lĩnh vực ngành hàng, tư chính, viễn thông, gypt, lợi ích công cộng và Chính phủ, v.v…;
  - Dịch vụ tin học: cung cấp dịch vụ thư tội điện tử và hệ thống thông tin (BPO), dịch vụ xử lý điện tử kết nối Người dân – Doanh nghiệp – Chính phủ; điện toán đám mây (cloud computing), chứng thực chữ ký số, bảo mật, bảo dưỡng, bảo trì cho các thiết bị CNTT, viễn thông và thiết bị mạng;
  - Giải dự: bao gồm dịch vụ tạo tạo các chuyên ngành CNTT, Quản trị Kinh doanh ở các cấp cao đăng, đại học và sau đại học;
  - Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ: bao gồm sản xuất và phân phối các sản phẩm CNTT và viễn thông bao gồm sản phẩm phần cứng, phần mềm ứng dụng cho điện thoại di động, chứa các các hàng/phòng trưng bày sản phẩm CNTT.

Đề nghị: Bao gồm các hoạt động chính:

- Quản lý các khoản đầu tư vào các công ty liên kết thuộc lĩnh vực tài chính;
- Quản lý và triển khai các dự án Bà rịa vũng tàu phục vụ nhu cầu về cơ sở hạ tầng của Tập đoàn.
CÔNG TY CỔ PHẦN FPT
Tòa nhà FPT, Cầu Giấy, phường Duy Tân
Phường Diễn Vọng, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Thời gian: Từ ngày 1/1/2015 đến ngày 30/9/2015

<table>
<thead>
<tr>
<th>I. DOANH THU</th>
<th>Từ ngày 1/1/2015 đến ngày 30/9/2015</th>
<th>Từ ngày 1/1/2014 đến ngày 30/9/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Đơn thu kinh doanh</td>
<td>VND</td>
<td>VND</td>
</tr>
<tr>
<td>A. Tin học và Viễn thông</td>
<td>29.256.594.801.882</td>
<td>24.286.937.157.214</td>
</tr>
<tr>
<td>2. Nội dung số</td>
<td>3.705.975.930.101</td>
<td>2.835.682.190.941</td>
</tr>
<tr>
<td>3. Phát triển Phần mềm</td>
<td>269.344.190.812</td>
<td>764.730.577.969</td>
</tr>
<tr>
<td>5. Dịch vụ Tin học</td>
<td>1.605.509.146.235</td>
<td>1.543.582.532.635</td>
</tr>
<tr>
<td>7. Sản xuất, phân phối và bán</td>
<td>412.123.638.486</td>
<td>431.036.419.127</td>
</tr>
<tr>
<td>Đơn thu</td>
<td>19.088.920.251.364</td>
<td>15.905.102.459.200</td>
</tr>
<tr>
<td>B. Đầu tư</td>
<td>43.007.333.842</td>
<td>9.344.609.815</td>
</tr>
<tr>
<td>1. Đầu tư</td>
<td>43.007.333.842</td>
<td>9.344.609.815</td>
</tr>
<tr>
<td>Loại trừ</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Đơn thu thuần bến cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn</td>
<td>1.759.109.929.118</td>
<td>246.780.701.629</td>
</tr>
<tr>
<td>Đơn thu thuần bến cho các bên thuê hạ</td>
<td>27.497.484.872.763</td>
<td>24.040.156.455.585</td>
</tr>
</tbody>
</table>

<table>
<thead>
<tr>
<th>II. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</th>
<th>Từ ngày 1/1/2015 đến ngày 30/9/2015</th>
<th>Từ ngày 1/1/2014 đến ngày 30/9/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>A. Tin học và Viễn thông</td>
<td>2.029.815.379.679</td>
<td>1.790.619.739.313</td>
</tr>
<tr>
<td>1. Viễn thông</td>
<td>693.811.138.104</td>
<td>660.661.819.302</td>
</tr>
<tr>
<td>2. Nội dung số</td>
<td>121.286.432.420</td>
<td>86.187.485.423</td>
</tr>
<tr>
<td>4. Tích hợp Hệ thống</td>
<td>62.769.984.088</td>
<td>90.276.133.529</td>
</tr>
<tr>
<td>5. Dịch vụ Tin học</td>
<td>86.327.232.040</td>
<td>65.690.511.149</td>
</tr>
<tr>
<td>6. Giáo dục</td>
<td>114.337.137.326</td>
<td>123.163.596.604</td>
</tr>
<tr>
<td>7. Sản xuất, phân phối và bán</td>
<td>500.450.246.242</td>
<td>419.084.717.348</td>
</tr>
<tr>
<td>Đơn thu</td>
<td>(60.958.364.830)</td>
<td>35.279.646.969</td>
</tr>
<tr>
<td>1. Đầu tư</td>
<td>(60.958.364.830)</td>
<td>35.279.646.969</td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</td>
<td>1.986.856.513.849</td>
<td>1.825.999.386.282</td>
</tr>
</tbody>
</table>
5. TIÊN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG DƯỠNG TIỀN

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền mặt</td>
<td>64.794.760.257</td>
<td>25.340.467.183</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi ngân hàng</td>
<td>1.223.478.570.889</td>
<td>2.046.865.852.133</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản tương dương tiền (i)</td>
<td>1.727.419.522.069</td>
<td>2.264.076.128.453</td>
</tr>
</tbody>
</table>

(i) Các khoản tương dương tiền phân ứng các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ДÀУ TƯ TÀI CHÍNH NGÂN HÀN

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền gửi cơ kỳ hạn</td>
<td>1.771.097.070.000</td>
<td>1.299.337.980.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Đầu tư chứng khoán ngân hàng</td>
<td>22.413.099.520</td>
<td>22.413.099.520</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản đầu tư khác</td>
<td>128.541.081.776</td>
<td>129.141.081.776</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng cộng</strong></td>
<td><strong>1.922.051.251.296</strong></td>
<td><strong>1.450.892.161.296</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Phí thu theo tiền độ của hợp đồng dịch vụ bảo trì</td>
<td>228.841.548.286</td>
<td>92.294.878.439</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản phải thu khác</td>
<td>261.411.553.849</td>
<td>309.101.026.086</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng cộng</strong></td>
<td><strong>490.253.102.135</strong></td>
<td><strong>401.395.904.525</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

8. HÀNG TÔN KHO

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Hàng nưa đang đi trên đường</td>
<td>360.896.707.035</td>
<td>236.143.261.376</td>
</tr>
<tr>
<td>Công cụ và dụng cụ</td>
<td>58.824.341.193</td>
<td>47.795.028.308</td>
</tr>
<tr>
<td>Chì phí sản xuất kinh doanh đợt đang</td>
<td>967.600.744.665</td>
<td>923.735.613.682</td>
</tr>
<tr>
<td>Hàng hóa muối đê bán</td>
<td>3.407.006.757.701</td>
<td>3.444.659.341.617</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng cộng</strong></td>
<td><strong>4.794.388.751.194</strong></td>
<td><strong>4.652.333.244.983</strong></td>
</tr>
<tr>
<td>Đưc phòng giám giá hàng tồn kho</td>
<td>(56.200.503.483)</td>
<td>(79.697.060.843)</td>
</tr>
<tr>
<td>Giá trị suan có thể thực hiện được của hàng tồn kho</td>
<td>4.738.188.245.711</td>
<td>4.572.626.184.140</td>
</tr>
</tbody>
</table>
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc theo thứ mà báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Nhập cả và vật kiến trược</th>
<th>Máy móc và thiết bị</th>
<th>Ph prophrg tiên và tài sản</th>
<th>Thiết bị văn phòng</th>
<th>Tài sản khác</th>
<th>Tổng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>NGUYỄN GIÀ</strong></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tăng do XDCB hoàn thành</td>
<td>139.821.376.194</td>
<td>12.543.504.772</td>
<td></td>
<td>555.504.985</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Thanh lý, nhượng bán</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>(8.024.980.774)</td>
<td>(1.225.190.783)</td>
</tr>
<tr>
<td>Tăng(Giảm) khác</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td><strong>GIÁ TRỊ HÃO MÔN LỤY KẾ</strong></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tài ngày 1/1/2015</td>
<td>152.629.824.538</td>
<td>1.526.629.785.180</td>
<td>39.023.707.014</td>
<td>623.252.048.941</td>
<td>12.995.246.277</td>
<td>2.354.530.611.950</td>
</tr>
<tr>
<td>Thanh lý, nhượng bán</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>(1.445.119.160)</td>
<td>(6.883.723.426)</td>
<td>(663.405.295)</td>
<td>(10.582.146.787)</td>
</tr>
<tr>
<td>Tăng(Giảm) khác</td>
<td>(472.511.961)</td>
<td>2.707.129</td>
<td>(2.296.111.178)</td>
<td>(2.590.462)</td>
<td></td>
<td>(3.383.920.730)</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>GIÁ TRỊ CỒN LÁI</strong></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tài ngày 30/9/2015</td>
<td>1.629.864.423.936</td>
<td>2.615.244.147.570</td>
<td>41.792.434.142</td>
<td>197.853.215.801</td>
<td>52.822.898.181</td>
<td>3.937.577.119.631</td>
</tr>
</tbody>
</table>
THUYẾT MÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kinh doanh.

10. TÀI SẢN CỔ ĐÍNH VÔ HÌNH

<table>
<thead>
<tr>
<th>Quyền sử dụng đất</th>
<th>Phần mềm vi tính</th>
<th>Gửi phép quyền phát hành và bản quyền</th>
<th>Cộng</th>
<th>VND</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td><strong>NGUYÊN GIÁ</strong></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tải ngày 1/1/2015</td>
<td>58.371.486.650</td>
<td>208.909.106.057</td>
<td>262.166.967.313</td>
<td>529.387.560.020</td>
</tr>
<tr>
<td>Thanh lý, nhượng bán</td>
<td>-</td>
<td>(1.395.454.164)</td>
<td>(395.113.770)</td>
<td>(1.790.567.934)</td>
</tr>
<tr>
<td>Tăng/(Giảm) khác</td>
<td>(738.072.273)</td>
<td></td>
<td>607.048.007</td>
<td>(131.024.266)</td>
</tr>
<tr>
<td>Tải ngày 30/9/2015</td>
<td>58.371.486.650</td>
<td>234.883.167.257</td>
<td>272.279.584.146</td>
<td>565.634.238.053</td>
</tr>
</tbody>
</table>

**GIÁ TRỊ HẠO MÓN LƯỢNG KÉP**

|                   |                  |                                   |      |      |
| Tải ngày 1/1/2015 | 3.015.098.853   | 137.712.811.370                 | 86.855.919.062  | 227.583.829.285 |
| Khấu hao trong kỳ | 498.856.265     | 26.431.668.981                 | 22.931.513.203  | 49.862.038.449  |
| Thanh lý, nhượng bán | -              | (1.268.278.911)           | (327.485.941)    | (1.595.764.852) |
| Tăng/(Giảm) khác | - 6.484.012.783 |                             | (7.349.013.266)  | (865.600.483)   |
| Tải ngày 30/9/2015| 3.513.955.118  | 169.360.214.223                | 102.110.333.058  | 274.984.502.399 |

**GIÁ TRỊ CỦA LƯỢNG KÉP**

|                   |                  |                                   |      |      |
| Tải ngày 30/9/2015| 54.857.531.532  | 65.522.953.034                  | 170.169.251.088  | 290.549.735.654 |
| Tải ngày 1/1/2015 | 55.356.387.797  | 71.196.294.687                  | 175.251.048.251  | 361.803.730.735 |
THƯabler điện báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

MÀU SÓ B 09-DN/HN

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔ BAN ĐÓ DANG

<table>
<thead>
<tr>
<th>Số dự đầu kỳ/năm</th>
<th>Từ ngày 1/1/2015 đến</th>
<th>Từ ngày 1/1/2014 đến</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>ngày 30/9/2015</td>
<td>ngày 31/12/2014</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư đầu kỳ/năm</td>
<td>VND</td>
<td>VND</td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng trong kỳ/năm</td>
<td>537.241.674.698</td>
<td>539.102.696.805</td>
</tr>
<tr>
<td>Kết chuyển sang Tài sản cố định</td>
<td>(167.220.310.541)</td>
<td>(209.424.546.745)</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư cuối kỳ/năm</td>
<td>547.824.777.839</td>
<td>537.241.674.698</td>
</tr>
</tbody>
</table>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tên công ty con</th>
<th>Nơi thành lập và hoạt động</th>
<th>Tỷ lệ phần sở hữu</th>
<th>Tỷ lệ quyền điều hành</th>
<th>Hoạt động chính</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT</td>
<td>Tầng 22, tòa nhà Keangnam, Landmark72, F6, Phạm Hùng, Mê Tri, Từ Liêm, Hà Nội</td>
<td>100,00%</td>
<td>100,00%</td>
<td>Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm ứng dụng, dịch vụ IPR, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ hồ sơ được</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty TNHH Phân mềm FPT</td>
<td>Tầng 8-12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội</td>
<td>100,00%</td>
<td>100,00%</td>
<td>Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty TNHH Thương mại FPT</td>
<td>Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội</td>
<td>100,00%</td>
<td>100,00%</td>
<td>Sản xuất các sản phẩm công nghệ và phần mềm các lĩnh vực CNTT và điện thông tin, chế tạo máy tính</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (I)</td>
<td>Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội</td>
<td>45,64%</td>
<td>45,64%</td>
<td>Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quang cỏo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty TNHH Giáo dục FPT</td>
<td>Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội</td>
<td>100,00%</td>
<td>100,00%</td>
<td>Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ</td>
</tr>
</tbody>
</table>
12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tên công ty con</th>
<th>Nội thành lập và hoạt động</th>
<th>Tỷ lệ phần sở hữu (trực tiếp và gián tiếp)</th>
<th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th>
<th>Hoạt động chính</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Công ty Cơ phần Dịch vụ trực tuyến FPT</td>
<td>408 Điện Biên Phủ, P11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh</td>
<td>51,95%</td>
<td>84,08%</td>
<td>Cung cấp các dịch vụ trực tuyến</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty TNHH Đầu tư FPT</td>
<td>Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội</td>
<td>100,00%</td>
<td>100,00%</td>
<td>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (hoạt động tươi vốn đầu tư, không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty Cơ phần Bán le Kỷ thuật số FPT</td>
<td>Số 261 - 263 Khâm Hiểu, phường 5, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh</td>
<td>80,95%</td>
<td>80,95%</td>
<td>Bán le máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông; đại lý dịch vụ viễn thông</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT (ii)</td>
<td>Số 153 Nguyễn Diật, Chữ, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh</td>
<td>100,00%</td>
<td>100,00%</td>
<td>Sản xuất và dần dùng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo</td>
</tr>
</tbody>
</table>

(i) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty Cơ phần FPT sở hữu 45,64% phần vốn (31 tháng 12 năm 2014: 45,64%) và nắm giữ 45,64% quyền biểu quyết (31 tháng 12 năm 2014: 45,64%) tại Công ty Cơ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quan lý của Công ty Cơ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cơ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cơ phần Viễn thông FPT và do đó các báo cáo tài chính của Công ty này được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Ngày 08 tháng 8 năm 2011, Tổng Giám đốc Công ty Cơ phần FPT đã ra Quyết định số 79.1-2011/QĐ-FPT-TGD về việc tầm thiết thủ hợp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT.
13. **ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

<table>
<thead>
<tr>
<th>Số dư đầu tư năm</th>
<th>Từ ngày 1/1/2015 đến ngày 30/9/2015</th>
<th>Từ ngày 1/1/2014 đến ngày 31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>VND</td>
<td>251.078.173.392</td>
<td>225.526.026.285</td>
</tr>
<tr>
<td>Phân lợi nhận được từ doanh nghiệp liên kết</td>
<td>20.363.340.274</td>
<td>32.886.470.107</td>
</tr>
<tr>
<td>Lãi từ công ty có vốn góp</td>
<td>(7.333.333.000)</td>
<td>(7.333.333.000)</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư cuối năm</td>
<td>264.118.180.665</td>
<td>251.078.173.392</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tên công ty liên kết</th>
<th>Sự thành lập và hoạt động</th>
<th>Ty lệ phân phối số hiệu và hiệu quả năm</th>
<th>Hoạt động chính</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT</td>
<td>Tầng 3, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đà Nẵng, Hà Nội</td>
<td>20%</td>
<td>Các hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT</td>
<td>Tầng 9, tòa nhà TTC Lô B1A, Phường Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội</td>
<td>25%</td>
<td>Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư và các dịch vụ khác</td>
</tr>
</tbody>
</table>

14. **ĐẦU TƯ ĐẦU HAN KHÁC**

<table>
<thead>
<tr>
<th>VND</th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Úyelsey đầu tư qua Công ty Cổ phần quản lý quỹ Đầu tư FPT</td>
<td>85.800.000.000</td>
<td>85.800.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Quỹ đầu tư Việt Nam (BYDM)</td>
<td>13.200.000.000</td>
<td>21.300.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Quỹ Đầu tư Việt Nhật</td>
<td>44.870.000.000</td>
<td>44.870.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Ngân hàng TMCP Tiền Phong</td>
<td>487.357.569.046</td>
<td>487.357.569.046</td>
</tr>
<tr>
<td>Khác</td>
<td>64.303.045.251</td>
<td>63.848.169.813</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td><strong>695.530.614.297</strong></td>
<td><strong>703.175.738.859</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

15. **TÀI SẢN THƯỆ THỦ NHẤP HOÀN LẠI**

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tài sản cố định</th>
<th>Doanh thu</th>
<th>Khác</th>
<th>Tổng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>VND</td>
<td>VND</td>
<td>VND</td>
<td>VND</td>
</tr>
<tr>
<td>Tài ngày 1/1/2015</td>
<td>20.456.079.360</td>
<td>103.706.044.732</td>
<td>7.644.891.746</td>
</tr>
</tbody>
</table>
16. VAY NGÂN HÀN

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>VND</strong></td>
<td><strong>VND</strong></td>
<td><strong>VND</strong></td>
</tr>
<tr>
<td>Vay ngân hàng các ngân hàng và các tổ chức kinh tế (i)</td>
<td>6,983,936,739,079</td>
<td>6,608,343,774,045</td>
</tr>
<tr>
<td>Vay và nợ đai hạn đến hạn trả (ii)</td>
<td>130,647,417,996</td>
<td>114,048,443,214</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng cộng</strong></td>
<td><strong>7,123,584,157,075</strong></td>
<td><strong>6,722,412,217,259</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

(i) Khoản vay ngân hàng từ các ngân hàng và các tổ chức kinh tế được thực hiện chưa yêu cầu bình thường tin chấp và tin dùng thu. Các khoản tín dụng này có thể rút hạn VND hoặc USD. Các khoản vay này không có đảm bảo và lãi suất được quy định cụ thể theo mỗi lần rút vốn.

(ii) Xem chi tiết tại thuyết minh khoản 20.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOÁN PHẢI NỔI NHÀ NƯỚC

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>VND</strong></td>
<td><strong>VND</strong></td>
<td><strong>VND</strong></td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế giải trừ gia tăng</td>
<td>56,793,943,668</td>
<td>86,052,935,289</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế xuất nhập khẩu</td>
<td>227,217,707</td>
<td>312,474,799</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế thu nhập doanh nghiệp</td>
<td>98,458,226,830</td>
<td>140,884,990,434</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế thu nhập cá nhân</td>
<td>24,594,744,151</td>
<td>15,816,819,194</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế nhà thuuild</td>
<td>2,596,792,655</td>
<td>6,553,617,502</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế khác</td>
<td>4,476,765,119</td>
<td>1,216,263,331</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng cộng</strong></td>
<td><strong>187,141,691,130</strong></td>
<td><strong>250,837,100,459</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

18. CÁC KHOÁN PHẢI TRẢ, PHẢI NỔI NGÂN HÀN KHÁC

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>VND</strong></td>
<td><strong>VND</strong></td>
<td><strong>VND</strong></td>
</tr>
<tr>
<td>Kiếh phí công đoàn</td>
<td>32,995,103,920</td>
<td>27,385,555,608</td>
</tr>
<tr>
<td>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp</td>
<td>12,669,126,545</td>
<td>18,094,301,731</td>
</tr>
<tr>
<td>Nhân kỷ quỹ, ký cửu ngân hàng</td>
<td>855,720,000</td>
<td>983,480,000</td>
</tr>
<tr>
<td>Phải trả tiền cổ tức</td>
<td>6,656,449,864</td>
<td>5,001,985,839</td>
</tr>
<tr>
<td>Chê phi hộ trợ của người thuộc tổ chức cung cấp</td>
<td>80,382,941,670</td>
<td>51,954,456,378</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản phải trả, phải nổi khác</td>
<td>60,657,639,650</td>
<td>73,832,808,482</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng cộng</strong></td>
<td><strong>194,216,981,648</strong></td>
<td><strong>177,282,587,438</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

19. CÁC KHOÁN DỰ PHONG

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>VND</strong></td>
<td><strong>VND</strong></td>
<td><strong>VND</strong></td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng báo bán sản phẩm (i)</td>
<td>32,252,745,918</td>
<td>32,265,650,918</td>
</tr>
<tr>
<td>Báo lãi cho các khoản cho sinh viên vay (ii)</td>
<td>12,905,000</td>
<td>12,905,000</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng cộng</strong></td>
<td><strong>35,157,745,918</strong></td>
<td><strong>35,170,650,918</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Tại ngày 1/1/2015

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Trích lũy dự phòng báo xung trong ký</td>
<td>27,804,646,888</td>
<td>27,804,646,888</td>
</tr>
<tr>
<td>Hỏa nhập dự phòng</td>
<td>(11,166,925,829)</td>
<td>(11,166,925,829)</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản dự phòng đã sử dụng</td>
<td>(18,411,596,466)</td>
<td>(18,411,596,466)</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng cộng</strong></td>
<td><strong>30,478,770,511</strong></td>
<td><strong>30,491,675,511</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>
19. CÁC KHOẢN ĐƯỜNG PHÒNG (Tiếp theo)

(i) Để phòng bảo hành sản phẩm
Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính trên cơ sở các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Bảo lãnh các khoản cho sinh viên vay
Để phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay được lập dựa trên cơ sở xấp xỉ tính từ đúng số dư các khoản cho vay do Ngân hàng Đại diện và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thorough mô Cổ phần Tiền Phòng cấp cho các sinh viên được chọn của Đại học FPT, thuộc Công ty TNHHGRADE FPT, một công ty con của Tập đoàn FPT, được bảo lãnh bởi Đại học FPT.

20. VAY VÀ NO ĐẠI HÀN

<table>
<thead>
<tr>
<th>Vay và nợ đại hạn</th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>VND</td>
<td>VND</td>
<td>VND</td>
</tr>
<tr>
<td>Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (i)</td>
<td>656.484.831.958</td>
<td>255.538.203.839</td>
</tr>
<tr>
<td>Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (ii)</td>
<td>139.613.966.431</td>
<td>149.467.352.859</td>
</tr>
<tr>
<td>Ngân hàng Mizuho Nhật Bản (iii)</td>
<td>112.540.664.160</td>
<td>73.599.377.600</td>
</tr>
<tr>
<td>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (iv)</td>
<td>4.330.555.728</td>
<td>817.445.300</td>
</tr>
<tr>
<td>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (v)</td>
<td>399.990.645.639</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Khác</td>
<td>2.617.678.743</td>
<td>948.698.669</td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng cộng</td>
<td>659.102.510.701</td>
<td>256.486.902.508</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Trong đó:
- Số phát trả trong vòng 12 tháng: 139.647.417.996
- Vay đại hạn: 139.127.843.542
- Khắc: 519.372.454
- Số phát trả sau 12 tháng: 519.455.092.705
- Vay đại hạn: 517.356.986.416
- Khắc: 2.088.106.289

(i) Phân án khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng thường niên số HN.2012/001/TTĐT với tổng hạn mức là 100 tỷ VND, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(ii) Phân án khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam với tổng hạn mức là 50 tỷ VND, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và khoản vay với tổng hạn mức là 175 tỷ VND, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(iii) Phân án các khoản vay của Ngân hàng Mizuho Nhật Bản với tổng hạn mức là 160.000.000 Yen Nhật, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và khoản vay với tổng hạn mức là 300.000.000 Yen Nhật, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(iv) Phân án khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà thành với tổng hạn mức là 36 tỷ VND, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(v) Phân án khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với tổng hạn mức là 400 tỷ VND, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
### VÓN CHỦ SỞ HỮU

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Vốn điều lệ</th>
<th>Thặng dư vốn</th>
<th>Cổ phiếu quỹ</th>
<th>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</th>
<th>Quỹ đầu tư phát triển</th>
<th>Quỹ dự trữ hỗ trợ vốn điều lệ</th>
<th>Lợi nhuận chưa phân phối</th>
<th>Tổng cộng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>Số dư tại ngày 1/1/2014</strong></td>
<td>2.752.017.550.000</td>
<td>49.465.703.201</td>
<td>(823.760.000)</td>
<td>4.382.499.953</td>
<td>78.666.938.875</td>
<td>114.943.857.509</td>
<td>4.207.341.884.794</td>
<td>7.205.914.664.472</td>
</tr>
<tr>
<td>Lợi nhuận trong năm</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Chi cổ tức bằng cổ phiếu</td>
<td>687.748.450.000</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>1.632.085.087.193</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích quỹ hưu trí, phúc lợi</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>(687.748.450.000)</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi cổ tức bằng tiền</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>(158.874.063.870)</td>
</tr>
<tr>
<td>Biến động khác</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>(16.872.163.838)</td>
<td>733.101.976</td>
<td>(27.740.764.485)</td>
<td></td>
<td>(11.957.353.476)</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Số dư tại ngày 31/12/2014</strong></td>
<td>3.439.766.000.000</td>
<td>49.465.703.201</td>
<td>(823.760.000)</td>
<td>(12.569.673.745)</td>
<td>79.409.040.851</td>
<td>87.203.093.024</td>
<td>4.268.153.638.489</td>
<td>7.910.595.041.820</td>
</tr>
<tr>
<td>Phất hưu cổ phiếu</td>
<td>17.193.170.000</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>17.193.170.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Lợi nhuận thuần trong năm</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>1.270.357.993.403</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi cổ tức bằng cổ phiếu</td>
<td>518.357.230.000</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>1.270.357.993.403</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi cổ tức bằng tiền</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>(518.357.230.000)</td>
</tr>
<tr>
<td>Biến động khác</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>(2.674.621.209)</td>
<td>(623.474.168)</td>
<td>25.420.520</td>
<td></td>
<td>(23.156.809.591)</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Số dư tại ngày 30/9/2015</strong></td>
<td>3.975.316.400.000</td>
<td>49.465.703.201</td>
<td>(823.760.000)</td>
<td>(18.244.295.014)</td>
<td>78.776.566.683</td>
<td>87.228.513.544</td>
<td>4.269.207.462.217</td>
<td>8.431.926.590.631</td>
</tr>
</tbody>
</table>
21. VÒN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Số cổ phiếu đang lưu hành

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Số lượng cổ phiếu</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Vốn cổ phần được duyệt</td>
<td>397,531,640</td>
<td>343,976,600</td>
</tr>
<tr>
<td>Cổ phiếu đã phát hành</td>
<td>397,531,640</td>
<td>343,976,600</td>
</tr>
<tr>
<td>Cổ phiếu phổ thông</td>
<td>397,531,640</td>
<td>343,976,600</td>
</tr>
<tr>
<td>Trong đó: cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu</td>
<td>4,004,296</td>
<td>1,772,497</td>
</tr>
<tr>
<td>Cổ phiếu quỹ</td>
<td>(82,376)</td>
<td>(82,376)</td>
</tr>
<tr>
<td>Trong đó: cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu</td>
<td>(82,376)</td>
<td>(82,376)</td>
</tr>
<tr>
<td>Cổ phiếu đăng lưu hành</td>
<td>397,449,264</td>
<td>343,894,224</td>
</tr>
<tr>
<td>Cổ phiếu phổ thông</td>
<td>397,449,264</td>
<td>343,894,224</td>
</tr>
<tr>
<td>Trong đó: cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu</td>
<td>3,921,920</td>
<td>1,091,121</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đăng lưu hành là 10,000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức và Công ty cổ phần vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thùy trừ ưu tiên như sau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tan ngưng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu phải hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá 10,000 VND/cổ phiếu. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

22. DOANH THU

<table>
<thead>
<tr>
<th>Từ ngày 1/1/2015 đến</th>
<th>Từ ngày 1/1/2014 đến</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>ngày 30/9/2015</td>
<td>ngày 30/9/2014</td>
</tr>
<tr>
<td>VND</td>
<td>VND</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>VND</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Trong đó:</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</td>
<td>27,497,484,872,763</td>
</tr>
<tr>
<td>- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</td>
<td>24,049,156,485,585</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản giảm trừ</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</td>
<td>468,728,388,594</td>
</tr>
<tr>
<td>- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</td>
<td>156,981,881,776</td>
</tr>
</tbody>
</table>
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

22. DOANH THU (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nếu trên thiết hiện doanh số bán cho bên thứ ba của Tập đoàn. Ngoài ra, đề phục vụ cho mục đích quản lý, Tập đoàn cũng theo dõi chi tiêu doanh số kinh doanh bao gồm doanh số bán cho các bên thứ ba và doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn với mục đích kinh doanh. Chỉ tiêu doanh thu kinh doanh của Tập đoàn được thiết hiện ở bảng sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Từ ngày 1/1/2015 đến</th>
<th>Từ ngày 1/1/2014 đến</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>ngày 30/9/2015</td>
<td>ngày 30/9/2014</td>
</tr>
<tr>
<td>VND</td>
<td>VND</td>
</tr>
<tr>
<td>Doanh thu thuận bàn cho các bên thứ ba</td>
<td>27.497.484.872.763</td>
</tr>
<tr>
<td>Doanh thu thuận bàn cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn</td>
<td>1.759.109.929.118</td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng doanh thu kinh doanh</td>
<td>29.256.594.801.882</td>
</tr>
</tbody>
</table>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

<table>
<thead>
<tr>
<th>Từ ngày 1/1/2015 đến</th>
<th>Từ ngày 1/1/2014 đến</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>ngày 30/9/2015</td>
<td>ngày 30/9/2014</td>
</tr>
<tr>
<td>VND</td>
<td>VND</td>
</tr>
<tr>
<td>Doanh thu lãi tiền gửi</td>
<td>129.315.816.643</td>
</tr>
<tr>
<td>Lãi chênh lệch tỷ giá</td>
<td>125.676.089.229</td>
</tr>
<tr>
<td>Doanh thu khác</td>
<td>44.120.092.457</td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng cộng</td>
<td>299.111.999.329</td>
</tr>
</tbody>
</table>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

<table>
<thead>
<tr>
<th>Từ ngày 1/1/2015 đến</th>
<th>Từ ngày 1/1/2014 đến</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>ngày 30/9/2015</td>
<td>ngày 30/9/2014</td>
</tr>
<tr>
<td>VND</td>
<td>VND</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí lãi vay</td>
<td>161.312.577.624</td>
</tr>
<tr>
<td>Lãi chênh lệch tỷ giá</td>
<td>237.287.865.551</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí tài chính khác</td>
<td>59.988.194.556</td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng cộng</td>
<td>458.581.547.731</td>
</tr>
</tbody>
</table>

25. TRICH QUY DAU TU PHAT TRIEN

Quy đầu tư phát triển được trích lập với tỷ lệ 25% lợi nhuận trước thuế tại Công ty TNHH Giáo dục FPT - một công ty con của Tập đoàn theo hướng dẫn tại Điều 66 Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.
26. LÃI CỘ BÁN TRÊN CÔ PH-ieu

Lãi cổ bán trên cò phiếu tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 được tính dựa trên số lãi nhận được về cổ động sở hữu cò phiếu phổ thông và số lương bình quân gia quyền của số cò phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, được thực hiện như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Từ ngày 1/1/2015 đến</th>
<th>Từ ngày 1/1/2014 đến</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>ngày 30/9/2015</td>
<td>ngày 30/9/2014</td>
</tr>
<tr>
<td>VND</td>
<td>VND</td>
</tr>
<tr>
<td>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</td>
<td>1.270.357.993.403</td>
</tr>
<tr>
<td>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân</td>
<td>396.685.123</td>
</tr>
<tr>
<td>Lãi cổ bán trên cò phiếu</td>
<td>3.202</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Điều chỉnh lại số cò phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Ngày 1/6/2015, Công ty Cổ phần FPT đã thực hiện trả cổ tức bằng cò phiếu năm 2014 để điều chỉnh hồi toán số lượng cò phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Số cò phiếu</th>
<th>Lãi cổ bán trên cò phiếu</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Số cò phiếu bình quân cho kỳ từ 1/1/2014 đến 30/9/2014</td>
<td>343.894.224</td>
</tr>
<tr>
<td>Anh hưởng của cổ phiếu từ nguồn chia cổ tức năm 2014 được phát hành vào ngày 1/6/2015</td>
<td>51.835.723</td>
</tr>
<tr>
<td>Số cò phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành tính đến 30/9/2014 đã điều chỉnh</td>
<td>395.729.947</td>
</tr>
</tbody>
</table>

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vận hành hoạt động liên tục và tối đa hóa lợi ích của các cò động thông qua tỷ suất vốn sở hữu do người vốn và công nghệ.

Câu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, số 20 triệu và các khoản tương đương tiền) và phân vốn theo số lượng sở hữu của các cò động của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yêu

Chỉ tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và phi lãi) đối với từng loại tài sản tài chính, công nghệ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẬT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B.09-DN/HN

27. CÔNG CỦA TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tài sản tài chính</th>
<th>Giá trị ghi sổ 30/9/2015</th>
<th>Giá trị ghi sổ 31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>VND</td>
<td>VND</td>
</tr>
<tr>
<td>Tài sản tài chính</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Phải thu khách hàng và phải thu khác</td>
<td>3.913.661.061.288</td>
<td>4.111.165.770.915</td>
</tr>
<tr>
<td>Đầu tư ngắn hạn</td>
<td>1.912.645.754.176</td>
<td>1.441.486.664.176</td>
</tr>
<tr>
<td>Đầu tư dài hạn</td>
<td>521.235.688.867</td>
<td>545.430.773.794</td>
</tr>
<tr>
<td>Tài sản tài chính khác</td>
<td>1.009.699.466.510</td>
<td>626.067.809.918</td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng</td>
<td>10.372.934.824.037</td>
<td>11.060.433.457.572</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Công nợ tài chính

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>VND</th>
<th>VND</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Các khoản vay</td>
<td>7.643.039.249.780</td>
<td>6.864.830.676.353</td>
</tr>
<tr>
<td>Phải trả khách hàng và phải trả khác</td>
<td>2.914.772.628.041</td>
<td>3.394.558.803.702</td>
</tr>
<tr>
<td>Chênh lệch tài chính</td>
<td>540.845.247.915</td>
<td>517.896.927.838</td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng</td>
<td>11.120.912.318.596</td>
<td>10.793.042.504.519</td>
</tr>
</tbody>
</table>


Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tập đoàn đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét là dinh kỳ nhằm phân bổ những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và giá), rủi ro liên từng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hợp đồng kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quan lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn có một số hoạt động kinh doanh có phát sinh rủi ro do biến động tỷ giá như phần phối, bán le, tích hợp hệ thống, xuất khẩu phần mềm. Để Thảo đổi của thị trường hàng công nghiệp là biến động tỷ giá được phân ứng vào giá bán hàng, Tập đoàn cùng chủ động phòng ngừa, hạn chế các rủi ro phát sinh ngay mọi hướng, cách tiếp đối sự biến động của các nhân tố chính tác động lên tỷ giá cũng như thay đổi tỷ giá ước của các định chế tài chính lớn, áp dụng các biện pháp phù hợp với báo hiệu tỷ giá như hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn và các biện pháp bảo hiểm tỷ nhóm như tờ tỷ giá bán ra, thu tiền trước và các biện pháp bảo hiểm khác.
QUAN Ly rui ro lăi süt
Tập đoàn chịu rủi ro lăi suất trong yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lăi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lăi suất khi vay vốn theo lăi suất thời nồi và lăi suất cố định đối với đồng ngoại tệ và đồng nội tệ. Để giảm thiểu rủi ro về lăi suất, thông qua phân tích và dự báo, Tập đoàn đã lựa chọn các thời điểm và ký hạn tỷ lệ lăi suất trong năm để dara ra các quyết định hợp lý trong việc duyệt các khoản vay cũng như cơ cấu vay nợ ngoại tệ và VND theo lăi suất cố định.

QUAN Ly rủi ro về giá cơ phiếu
Các cơ phiếu do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình trạng chán vón giá trị trong lại của cơ phiếu dưới đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cơ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cơ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty đến cựu, v.v. Tập đoàn dành gần rủi ro về giá cơ phiếu là không đáng kể.

Tập đoàn cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty đến cựu, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

QUAN Ly rủi ro về giá hàng hóa
Tập đoàn mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro trong việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Để giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn đạo chủ trương để hoạt động kiểm soát hàng tồn, đảm bảo quản lý chất chê và hiệu quả từ khoản hàng tồn cơ sở đảm giá như chất thải, theo dõi hàng ngày nắm cơ biến pháp thức đẩy bán hàng kịp thời để tránh hàng chậm lưu chuyển.

Rủi ro tín dụng
Rủi ro tín dụng xuất phát khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các khoản tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có hệ thống đánh giá, xếp hạng tín dụng nội bộ dựa trên một số yếu tố để đánh giá các tổ chức tài chính trung gian làm cơ sở đánh giá cho khách hàng. Ngoài ra, phân loại các khách hàng khi được Tập đoàn cấp tín dụng đều yêu cầu thực hiện các biện pháp bảo lãnh.

Tập đoàn thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ, bảo đảm: phân tích tài nợ, ngay thu nợ, cập nhật và đánh giá khách hàng... để có những biện pháp xử lý kịp thời. Tập đoàn cũng đồng thời mua bảo hiểm công nợ phải thu nhằm hạn chế những rủi ro không lường trước về chi phí hợp lý.

QUAN Ly rủi ro thanh khoản
Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo dự nợ người vay được đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Thanh khoản toàn diện được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo phù hợp giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm để có thể điều kiểm soát, tương ứng với mức lãi Tập đoàn tính theo cơ thể ưu đãi trong kỳ đợt. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thông tin xung quanh các yếu tố về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiềm mặt, các khoản vay và dự nợ mà các cơ động cam kết góp nhận đập ứng các quy định về tính thanh khoản ngân hàng và đại hạn hơn.
27. **CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đầu hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thông báo. Số liệu được trình bày dựa trên công trình chi tiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Ngày đầu hạn theo hợp đồng được cung cấp trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

<table>
<thead>
<tr>
<th>Đơn vị</th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Từng</td>
<td>1 năm</td>
<td>Từ 1 - 5 năm</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>VND</strong></td>
<td><strong>VND</strong></td>
<td><strong>VND</strong></td>
</tr>
<tr>
<td>Phí trừ khác hàng và phí trừ khác</td>
<td>2.735.304.126.283</td>
<td>179.467.901.436</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí phát sinh</td>
<td>540.845.247.915</td>
<td>540.845.247.915</td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng</td>
<td>22.255.792.859</td>
<td>-</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản 0 mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra điều kiện để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Hàng sau đây trình bày chi tiết mức độ hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Hàng được lập trên cơ sở mức độ hạn theo hợp đồng chưa biệt khấu của tài sản tài chính gồm tài sản đầu tư các tài sản cố định, nợ 0. Việc tính được thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thanh khoản.

<table>
<thead>
<tr>
<th>Đơn vị</th>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Từng</td>
<td>1 năm</td>
<td>Từ 1 - 5 năm</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>VND</strong></td>
<td><strong>VND</strong></td>
<td><strong>VND</strong></td>
</tr>
<tr>
<td>Đầu tư ngân hàng</td>
<td>1.912.645.754.176</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Đầu tư dân</td>
<td>-</td>
<td>521.235.688.867</td>
</tr>
<tr>
<td>Tài sản tài chính khác</td>
<td>897.411.359.455</td>
<td>112.288.107.055</td>
</tr>
</tbody>
</table>
28. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tập đoàn đã có giao dịch trong yếu sau với các bên liên quan:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Từ ngày 1/1/2015 đến ngày 30/9/2015</th>
<th>Từ ngày 1/1/2014 đến ngày 30/9/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>VND 7.333.333.000</td>
<td>VND 7.333.333.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Nhân cỗ tài trợ hàng liên</td>
<td>Nhân cỗ tài trợ hàng liên</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT</td>
<td>Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có các số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>VND 214.166.881.776</td>
<td>VND 214.766.081.776</td>
</tr>
<tr>
<td>Cécoute kinh doanh đầu tư</td>
<td>Cécoute kinh doanh đầu tư</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT</td>
<td>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Vốn góp

<table>
<thead>
<tr>
<th>30/9/2015</th>
<th>31/12/2014</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>VND 27.500.000.000</td>
<td>VND 27.500.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT</td>
<td>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT</td>
</tr>
<tr>
<td>VND 110.000.000.000</td>
<td>VND 110.000.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT</td>
<td>Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT</td>
</tr>
</tbody>
</table>

29. CÁC KHOẢN CẦN KẾT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã phê duyệt thực hiện các dự án sau:

- Thông qua phương án đầu tư 250 tỷ VND vào Công ty Cổ phần Bản lề Kỹ thuật số FPT (FPT). Đến ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty đã gộp được 127,5 tỷ VND.
- Dự án xây dựng giải đoạn 1 khu phức hợp vận động FPT tại Đà Nẵng với tổng vốn đầu tư của Dự án là 454.173.000.000 VND.
- Khoản cam kết đầu tư vào dự án cấp quang biên Châu Á - Thái Bình Dương (goi tắt là Dự án APG) thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh công với Tập đoàn Viễn thông Quân đội - Viettel Group (với địa điểm tại Việt Nam, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Singapore, Malaysia, Úc, New Zealand, Thái Lan, Việt Nam, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Singapore, Malaysia, Úc, New Zealand, Thái Lan) và Công ty Cổ phần Hợp tác Viễn thông CMC. Đây là dự án xây dựng mạng cấp quang biển kết nối các nước trong khu vực Châu Á (Việt Nam, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Singapore, Malaysia, Úc, New Zealand, Thái Lan, Việt Nam, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Singapore, Malaysia, Úc, New Zealand, Thái Lan). Viettel Telecom là đối tác tham gia dự án này. Theo đó, Tập đoàn cam kết gom vốn với tổng số tiền đầu kiển là 10 triệu USD tương đương với 25% vốn góp của Viettel Telecom tại dự án này. Số vốn góp vốn sẽ được đóng theo tiến độ thực hiện của dự án và thông báo của Viettel Telecom. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2015, số vốn góp thực tế của Tập đoàn trong hợp đồng hợp tác kinh doanh này là 7.509.304 USD tương đương 158.756.103.331 VND.
30. SỞ LIỆU SO SÁNH

Sở liệu so sánh của bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Sở liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014.

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Nguyễn Tiên Hảo

Hoàng Hữu Chiến

Nguyễn Thế Phương